

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23/12/2021

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Minh Hải

Ông Vũ Tiến Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Khánh Linh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 23/12/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2021/TLST-HNGĐ ngày 07/10/2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1990.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã Đ, thành phố T1, tỉnh T1.

Nơi cư trú: Thôn T2, xã Đ, thành phố T1, tỉnh T1.

Bị đơn: Anh Nhâm Văn T3, sinh năm 1986.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã Đ, thành phố T1, tỉnh T1.

(Chị Phạm Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nhâm Văn T3 vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, quá trình giải quyết vụ án, chị Phạm Thị T trình bày:

Chị và anh Nhâm Văn T3 tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 18 tháng 4 năm 2009 tại UBND xã Đ, thành phố T1, tỉnh T1. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do kinh tế của gia đình không ổn định, anh T3 thường xuyên tụ tập bạn bè uống rượu bia, không chịu làm ăn, vợ chồng xô xát ngày càng nhiều, do không muốn các con chứng kiến nên chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/2021. Đến nay chị T xác định không còn tình cảm với anh T3, không thể đoàn tụ để tiếp tục chung sống với nhau được nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh T3 có hai con chung là Nhâm Văn Anh T4 sinh ngày 21/10/2009 và Nhâm Thị Mỹ H sinh ngày 04/3/2013. Hiện nay hai con đang sống cùng chị T. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, yêu cầu anh T3 cấp dưỡng cho mỗi con 1.000.000 đồng/1 tháng, hai con là 2.000.000 đồng/1 tháng.

Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 12/11/2021, anh Nhâm Văn T3 trình bày: Về thời gian và điều kiện kết hôn như chị Phạm Thị T trình bày. Quá trình chung sống, cũng xảy ra những va chạm như các đôi vợ chồng khác. Mỗi lần xảy ra xô xát, chị T đều bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn T2, xã Đ. Lần gần đây nhất chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 7/2021, mỗi người ở một nơi. Anh T3 đồng ý ly hôn với chị T. Anh T3 và chị T có 02 con chung như chị T đã trình bày. Anh T3 đồng ý để chị T trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và cấp dưỡng cho mỗi con 1.000.000 đồng/1 tháng. Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T3 đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt và từ chối ký vào các văn bản của Tòa án.

Đại diện chính quyền địa phương nơi chị Phạm Thị T và anh Nhâm Văn T3 cư trú cung cấp nội dung như sau: Chị Phạm Thị T và anh Nhâm Văn T3 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, thành phố T1. Sau khi kết hôn, chị T và anh T3 chung sống tại thôn A, xã Đ, quá trình chung sống có hai con chung, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân nhưng cụ thể vì lý do gì thì địa phương không nắm được do gia đình không báo cáo. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh T3, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Nhâm Văn T3, về con chung: giao 02 con chung Nhâm Văn Anh T4 và Nhâm Thị Mỹ H cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nhâm Văn T3 cấp dưỡng cho mỗi con 1.000.000 đồng/1 tháng đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: không đặt ra giải quyết. Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, anh Nhâm Văn T3 phải chịu 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng:*

[1] Chị Phạm Thị T khởi kiện xin ly hôn anh Nhâm Văn T3 có hộ khẩu thường trú tại xã Đ, thành phố T1 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn chị Phạm Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nhâm Văn T3 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:*

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Nhâm Văn T3 tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 18 tháng 4 năm 2009 tại UBND xã Đ, thành phố T1, tỉnh T1 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, theo chị T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế của gia đình không ổn định, anh T3 thường xuyên tụ tập bạn bè uống rượu bia, không chịu làm ăn, vợ chồng xô xát ngày càng nhiều. Theo anh T3 thì vợ chồng cũng xảy ra những va chạm như các đôi vợ chồng khác, mỗi lần

xảy ra xô xát, chị T đều bỏ về nhà bố mẹ đẻ. Từ tháng 7/2021, chị T và anh T3 đã sống ly thân, đời sống vợ chồng trên thực tế không tồn tại. Chị T xin ly hôn, anh T3 cũng đồng ý, chứng tỏ tình cảm giữa anh chị không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị T, xử cho chị T được ly hôn anh T3 là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về quan hệ con chung: Chị Phạm Thị T và anh Nhâm Văn T3 có hai con chung là Nhâm Văn Anh T4 sinh ngày 21/10/2009 và Nhâm Thị Mỹ H sinh ngày 04/3/2013. Hiện nay hai con đang sống cùng chị T. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, anh T3 đồng ý và cấp dưỡng cho mỗi con 1.000.000 đồng/1 tháng, các con có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét điều kiện thực tế hiện nay, xét nguyện vọng của chị T, anh T3 và các con, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình nên giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, anh T3 cấp dưỡng cho mỗi con 1.000.000 đồng/1 tháng đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Anh Nhâm Văn T3 có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị T và anh Nhâm Văn T3 không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy về quan hệ tài sản không giải quyết trong vụ án này.

[7] Về án phí: Chị Phạm Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, anh Nhâm Văn T3 phải nộp 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 203, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Nhâm Văn T3.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Nhâm Văn Anh T4 sinh ngày 21/10/2009 và Nhâm Thị Mỹ H sinh ngày 04/3/2013. Anh Nhâm Văn T3 cấp dưỡng cho mỗi con 1.000.000 đồng/1 tháng (hai con là 2.000.000 đồng/1 tháng) kể từ tháng 12/2021 đến khi mỗi con chung tròn 18 tuổi.

Anh Nhâm Văn T3 có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị T, anh T3 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Nhâm Văn T3 phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Chuyển số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000351 ngày 07/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình thành án phí.

Chị Phạm Thị T, anh Nhâm Văn T3 vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Thái Bình;
- Chi cục THADS TP Thái Bình;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND xã Đ, TP T1, tỉnh T1; ĐKKH số 25 ngày 18/4/2009)
- Lưu: hồ sơ, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Lý